

Số: 77 /BC-UBND

Biên Hòa, ngày 14 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
trên địa bàn thành phố Biên Hòa trong quý I/2024**
(số liệu từ ngày 15/12/2023 ước đạt đến ngày 14/3/2024)

Kính gửi:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 28/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về Cải cách hành chính năm 2024 và Văn bản số 1834/SNV-TT ngày 23/5/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn báo cáo định kỳ kết quả cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; Xét đề nghị của Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 178/TTr-NV ngày 13/3/2024, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa báo cáo kết quả thực hiện trong quý I/2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, kiểm soát TTHC

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Biên Hòa lần thứ XII, các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và Chương trình Cải cách hành chính thành phố Biên Hòa giai đoạn 2021-2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 10162/QĐ-UBND ngày 15/10/2021); UBND thành phố Biên Hòa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC, cụ thể: ban hành Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 08/01/2023 về cải cách hành chính năm 2024 và các Kế hoạch chuyên đề¹ như Kiểm soát TTHC; Rà soát, đơn giản hóa TTHC; Thông tin, tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC; Chuyển đổi số; Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong đó bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XII đã đề ra.

Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2023 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 kết hợp giao ban Ban chỉ đạo CCHC thành phố Biên Hòa quý I/2024.

1.2. Về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

¹ Kế hoạch số 798/KH-UBND ngày 15/01/2024 về kiểm soát TTHC năm 2024; Kế hoạch số 1202/KH-UBND ngày 19/01/2024 về rà soát, đơn giản hóa quy định, TTHC năm 2023; Kế hoạch số 2048/KH-UBND ngày 01/02/2024 về thông tin, tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 08/11/2024 về kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 1390/KH-UBND ngày 22/01/2024 về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch số 3415/KH-UBND ngày 07/3/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 về việc giao chỉ tiêu các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính năm 2024.

Ban hành Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 08/11/2024 về kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2024. Dự kiến thành lập Đoàn kiểm tra tại tối thiểu 18/30 phường, xã (60% các đơn vị trực thuộc). Ngoài Kế hoạch kiểm tra định kỳ, giao Phòng Nội vụ chủ trì kiểm tra đột xuất tại các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC, nhất là việc giải quyết TTHC.

Kết quả trong quý I/2024, thông qua hệ thống phần mềm quản lý, Chủ tịch UBND thành phố đã chỉ đạo rà soát, kiểm tra hồ sơ trễ hạn tại **12 phòng chuyên môn, UBND 30 phường, xã** (Văn bản số 1522/UBND-THNC ngày 24/01/2024, Văn bản số 3587/UBND-THNC ngày 11/3/2024).

1.3. Tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

Triển khai Kế hoạch số 2048/KH-UBND ngày 01/02/2024 về thông tin, tuyên truyền CCHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2024 nhằm đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều nội dung đa dạng bằng các hình thức phong phú, sinh động gắn với thực hiện các giải pháp trong Kế hoạch cải cách hành chính đảm bảo phù hợp với thực tế tại mỗi đơn vị, địa phương.

Bảng 1.1. Kết quả tuyên truyền về CCHC, kiểm soát TTHC trong quý I/2024

STT	Nội dung tuyên truyền	Hình thức tuyên truyền	Số lượng	Đơn vị chủ trì, phối hợp
1	Thông tin hoạt động tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố, phường, xã sau dịp nghỉ Lễ Tết Nguyên đán năm 2024	Phóng sự	Thời sự Đài PT-TH Đồng Nai	Văn phòng HĐND – UBND thành phố, Đài PT-TH Đồng Nai
2	Cập nhật thông tin liên quan đến công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	Bài viết	41 bài biết, đưa tin trên Trang tin thành phố Biên Hòa.	
3	Triển khai sử dụng Zalo OA phường, xã và thành phố để thông tin và tạo thêm kênh tương tác đến người dân.	Kênh thông tin	Thông tin về cải cách hành chính	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND 30 phường, xã

1.4. Sáng kiến cải cách hành chính

Triển khai đến các cơ quan, đơn vị tổ chức nghiên cứu đề xuất các sáng kiến, cách làm hiệu quả trong công tác cải cách hành chính, nhất là trong giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức (Văn bản số 2062/UBND-THNC ngày 26/02/2023).

Trong quý I/2024, đã có 02 mô hình sáng kiến được đăng ký áp dụng triển khai (cấp xã).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

2.1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

2.1.1. Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật

Trong quý I/2024, không ban hành Văn bản quy phạm pháp luật.

2.1.2. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa Văn bản quy phạm pháp luật

Trên cơ sở quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa ban hành Kế hoạch số 1390/KH-UBND ngày 22/01/2024 về công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

2.1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Ban hành và triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 3415/KH-UBND ngày 07/3/2024 về theo dõi thi hành pháp luật năm 2024.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

2.2.1. Công khai thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính

- *Về công khai, niêm yết TTHC*: tổ chức công khai, niêm yết 234 TTHC cấp huyện và 122 TTHC cấp xã đảm bảo phục vụ việc thông tin, tra cứu chính xác, thống nhất (tại bảng niêm yết và trang bị thiết bị tra cứu TTHC tại Bộ phận Một cửa thành phố)². Chỉ đạo các đơn, địa phương thực hiện nghiêm túc công tác công khai, niêm yết TTHC đảm bảo đầy đủ thành phần quy định (*Văn bản số 1647/UBND-THNC ngày 23/01/2024*).

- *Về công khai hồ sơ mẫu điện tử*: cập nhật hồ sơ mẫu điện tử của các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực trên Trang thông tin điện tử thành phố Biên Hòa (<http://bienhoa.dongnai.gov.vn>) tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện TTHC (tối thiểu 70% TTHC có hồ sơ mẫu).

- *Về tình hình thực hiện liên thông thủ tục hành chính*: liên thông giải quyết TTHC thuộc các lĩnh vực: Đất đai (*Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 17/8/2020*); Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (*Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015*); Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ mai táng phí, chi phí mai táng, hưởng mai táng phí (*Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 20/11/2019*)³; Lao động, thương binh & xã hội (*Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020, Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 17/5/2022*); cấp Giấy chứng nhận số nhà (*Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 05/10/2020*); liên thông các TTHC thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người

² Trong quý I/2024, đã triển khai 06 Bộ TTHC: Lao động thương binh và xã hội (*Quyết định số 3444/QĐ-UBND*); tài nguyên và môi trường (*Quyết định 126/QĐ-UBND*); giáo dục và đào tạo (*Quyết định số 300/QĐ-UBND và Quyết định số 499/QĐ-UBND*); văn hóa thể thao và du lịch (*Quyết định 239/QĐ-UBND*); Nội vụ (*Quyết định 472/QĐ-UBND*).

³ Triển khai tạm dừng các thủ tục hành chính về cư trú trong quy trình liên thông theo hướng dẫn tại Văn bản số 9294/UBND-HCC ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh.

sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (*Quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 26/7/2021, Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 06/5/2022*). Ngày 01/7/2023, chính thức triển khai Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh tại địa chỉ: <https://dangkyhkd.dkkd.gov.vn>.

- Về thực hiện nhiệm vụ rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC:

Trong quý I/2024, các đơn vị, địa phương tiến hành rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa với mục tiêu tối thiểu 10% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết (dự kiến báo cáo kết quả trong tháng 6/2024).

2.2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Triển khai chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Kết quả thực hiện trong năm 2023, cụ thể như sau:

a) Tổ chức hoạt động bộ phận một cửa

*** Đối với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố:**

Củng cố, kiện toàn nhân sự làm việc tại Bộ phận Một cửa thành phố (*Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 21/02/2024*); Tiếp tục triển khai Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố Biên Hòa trên cơ sở quy định hiện hành về cơ chế một cửa, một cửa liên thông (*Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 27/10/2020*). Đồng thời, thực hiện mức chi hỗ trợ đối với công chức, viên chức và người làm việc tại Bộ phận Một cửa thành phố theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (25 định suất, 70.000 đồng/người/ngày) kể từ ngày 01/01/2024.

*** Đối với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã:**

100% các đơn vị đã thực hiện kiện toàn nhân sự và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động tại Bộ phận Một cửa; tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng, đề xuất bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bộ phận Một cửa triển khai tiếp nhận các TTHC, dịch vụ công thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định. Các đơn vị thực hiện chi phụ cấp theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh (Riêng Phước Tân và Hóa An đang thực hiện sửa chữa trụ sở bộ phận một cửa).

b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Triển khai tiếp nhận và giải quyết 100% TTHC, dịch vụ công thuộc thẩm quyền xử lý (255/264 thủ tục hành chính, trừ thủ tục lĩnh vực thanh tra được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp Công dân). Kết quả *từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/3/2024* trích xuất từ phần mềm Một cửa điện tử (Egov): tổng: **12.579**; giải quyết trước và đúng hạn: **10.419**, đạt 82,83%; đang giải quyết (trong hạn): **1.289**, chiếm 10,25%; trễ hạn: **871**, chiếm tỷ lệ: 6,92%. Đánh giá chung: đạt 93,08%.

Kết quả tiếp nhận hồ sơ cấp Căn cước công dân gắn chip điện tử trên địa bàn thành phố Biên Hòa quý I/2024: 8.221 hồ sơ, trong đó cấp mới 3.592 hồ sơ, cấp lại 2.092 hồ sơ, cấp đổi 2.537 hồ sơ.

c) Kết quả triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Tiếp tục triển khai mô hình phi địa giới hành chính (*người dân được lựa chọn nơi nộp hồ sơ, nhận kết quả giữa Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa thành phố*) trên các lĩnh vực như: đất đai (đo vẽ, đăng ký thế chấp, xóa thế chấp; chuyển nhượng), Tư pháp (2 TTHC về lý lịch tư pháp), Giao thông vận tải (thủ tục cấp đổi giấy phép lái xe); Qua đó, tạo nhiều thuận lợi cho người dân, tổ chức trong việc tiết kiệm thời gian đi lại, chủ động trong việc lựa chọn địa điểm nộp hồ sơ. Sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ TTHC.

- Tiếp tục thực hiện thông báo kết quả giải quyết TTHC đến người dân biết về tiến độ giải quyết hồ sơ, số tiền nghĩa vụ tài chính, tra cứu tình trạng hồ sơ qua Zalo (Công Hành chính công tỉnh Đồng Nai),...qua đó, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian, giảm việc đi lại cho người dân.

- Tiếp tục phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị tại Bộ phận Một cửa thành phố theo các chỉ số quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018, với hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa thành phố thông qua máy Ipad đặt tại mỗi quầy tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa thành phố (*Văn bản số 10271/UBND-THNC ngày 21/7/2022*).

- Duy trì việc khai thác hệ thống Camera tập trung từ Bộ phận một cửa cấp xã, thành phố Biên Hòa về Trung tâm Hành chính công tỉnh; định kỳ phối hợp Trung tâm Hành chính công tỉnh kiểm tra, nhắc nhở và khắc phục các sự cố hư hỏng, mất kết nối từ các hệ thống camera giám sát tại các điểm; đảm bảo việc giám sát kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác tiếp dân, giải quyết TTHC.

- Triển khai thanh toán điện tử và hình thức khác đối với các khoản phí, lệ phí tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp trên địa bàn thành phố Biên Hòa nhằm cung cấp đa dạng hình thức thanh toán điện tử không dùng tiền mặt, tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; thông tin xử lý hồ sơ được cập nhật kịp thời; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tiếp tục tổ chức thí điểm tại 07/07 Phòng chuyên môn có thu phí, lệ phí và 30/30 đơn vị cấp xã).

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai việc khai thác, sử dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử và phần mềm số hóa hồ sơ TTHC theo quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 06/12/2022 của Chính phủ (*Thông báo số 127/TB-UBND ngày 10/3/2023*); Ứng dụng tra cứu, khai thác thông tin từ CSDL quốc gia về dân cư trên hệ thống thông tin một cửa điện tử (*Văn bản số 2437/UBND-THNC ngày 02/02/2023*).

2.2.3. Công tác giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC

- Kết quả tiếp nhận và giải quyết phản ánh kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC trên Tổng đài 1022 trong Quý I/2024: **138** trường hợp (đã xử lý: 134, chiếm 97%; đang phối hợp xử lý: 04, chiếm 3%).

- Rà soát trả lời ý kiến của bạn đọc gửi trên cổng TTĐT tỉnh: **01/01** trường hợp, đạt 100%, cổng DVC Quốc gia: **08/09** trường hợp, đạt 88,8%.

(số liệu kèm theo Mẫu số 3)

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

2.3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế

- **Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ về tổ chức bộ máy:** triển khai Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND thành phố Biên Hòa đã ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan đối với **10/12 đơn vị** gồm Phòng Nội vụ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động – Thương binh & Xã hội, Tài chính và Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa – Thông tin, Phòng Quản lý đô thị, Kinh tế. Riêng đối với Văn phòng HĐND và UBND thành phố và Thanh tra tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị trên cơ sở hướng dẫn của Sở, ngành liên quan.

- **Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị, địa phương, đơn vị sự nghiệp:**

+ Phòng chuyên môn: tổ chức **12** đơn vị trên cơ sở Đề án tổ chức lại, kiện toàn các cơ quan chuyên môn do HĐND thành phố Biên Hòa ban hành tại Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 15/7/2022.

+ Đơn vị sự nghiệp: **129** đơn vị (mầm non: 34, tiểu học: 54, THCS: 35, khác: 6). Thành lập trường TH Tân Phong 2, trường THCS Phước Tân 3, sáp nhập trường TH Tân Phong A và Tân Phong B thành trường TH Tân Phong 1.

+ UBND cấp xã: **30** đơn vị hành chính. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình cấp thẩm quyền điều chỉnh địa giới hành chính cấp xã theo phương án: sáp nhập phường Hòa Bình và 1 phần phường Tân Phong vào phường Quang Vinh (sau sáp nhập dự kiến lấy tên là phường Quang Vinh); sáp nhập phường Thanh Bình và phường Quyết Thắng vào phường Trung Dũng (sau sáp nhập dự kiến lấy tên là phường Trung Dũng).

- **Thực hiện biên chế công chức, viên chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp:**

Triển khai Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh năm 2024; theo đó, tổng số biên chế, số người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố tính đến ngày 14/3/2024:

+ Tổng biên chế được giao: công chức: **194**, viên chức: **6.961** (giáo dục: **6.910**, khác: **51**).

+ Tổng số đang thực hiện: **186** công chức, **6.855** viên chức (giáo dục: **6.809**, khác: **46**).

2.3.2. Về thực hiện phân cấp quản lý

- Các đơn vị triển khai thực hiện các quy định về phân cấp trong công tác quản lý nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đối với ngành, lĩnh vực, cụ thể: nội vụ, văn hóa, công thương, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, tài chính,...

- Về thanh tra, kiểm tra đối với các nhiệm vụ đã phân cấp: ban hành Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2024.

2.3.3. Kết quả thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Trong quý I/2024, UBND thành phố Biên Hòa quyết định giao số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã năm 2024⁴, cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức: 917 biên chế.

- Người hoạt động không chuyên trách: 648 biên chế.

Đến nay, các phường, xã đang trong quá trình triển khai thực hiện việc xây dựng Đề án sắp xếp, bố trí người hoạt động không chuyên trách.

(số liệu kèm theo Mẫu số 4)

2.4. Cải cách chế độ công vụ

2.4.1. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- **Thực hiện đề án vị trí việc làm công chức, viên chức:** Triển khai Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Kết quả trong quý I/2024, 100% cơ quan, đơn vị đang thực hiện rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan.

- **Thực hiện các quy định quản lý cán bộ, công chức, viên chức:**

Tiếp tục triển khai Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh, UBND thành phố Biên Hòa ban hành Hướng dẫn số 14769/HD-UBND ngày 06/10/2022 về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, thôi làm nhiệm vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố; tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy trình công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định. Bố trí cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo.

⁴ Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thành phố Biên Hòa.

Tiếp tục triển khai đến từng cán bộ, công chức, viên chức cập nhật dữ liệu trên hệ thống phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức (<https://dongnai.vnerp.vn/>) theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ.

- Về chất lượng cán bộ, công chức

+ **Thành phố (trình độ chuyên môn):** tiến sỹ/bác sỹ chuyên khoa II: 02/186, 33/186 thạc sỹ, 150/187 đại học.

+ **Cấp xã:** 100% (309/309) cán bộ đạt chuẩn; 97,6% (332/340) công chức đạt chuẩn quy định.

2.4.2. Kết quả triển khai về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, trách nhiệm thực thi công vụ, nhiệm vụ năm 2024 (Kế hoạch số 716/KH-UBND, Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17/01/2023); chỉ đạo chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ dịp Lễ, Tết và tổng kết cuối năm. Kết quả trong năm 2023 đã tổ chức kiểm tra tại **29 địa phương**; chỉ đạo Chủ tịch UBND 30 phường, xã tiếp tục quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức các quy định kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nội quy, giờ giấc làm việc, tăng cường trách nhiệm công vụ (*Văn bản số 2414/UBND-THNC ngày 16/02/2024, Văn bản số 2608/UBND-THNC ngày 21/02/2024*).

2.4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được xác định nhiệm vụ trọng tâm theo chỉ đạo của Thành ủy; UBND thành phố Biên Hòa ban hành Kế hoạch số 1696/KH-UBND ngày 26/01/2024 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2024; trong đó, đưa ra các mục tiêu, nội dung khóa - lớp học, đối tượng, giải pháp đảm bảo 100% cán bộ, công chức đáp ứng tiêu chuẩn ngạch, tối thiểu 80% cán bộ, công chức thành phố, 60% cán bộ, công chức cấp xã được cập nhật kiến thức pháp luật, bồi dưỡng về kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ. Trong quý I/2024, đã chọn cử **64 lượt** CCVC tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên.

(số liệu kèm theo Mẫu số 5)

2.5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách, quản lý tài sản công (triển khai quy định, phát hiện vi phạm, xử lý khắc phục): Việc tổ chức xử lý bảo đảm đúng pháp luật, công khai, minh bạch tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản số liên quan: Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện cơ chế tự chủ: **127/129** (*Quyết định*

số 3074/QĐ-UBND ngày 24/8/2022), trong đó: Tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư: 03; Tự đảm bảo chi thường xuyên: 01; Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 03; Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 120. Riêng **02 đơn vị** sự nghiệp mới thành lập (đang hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo quy định).

- Về tình hình thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước: tiếp tục thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với **12/12** phòng ban chuyên môn, 01 cơ quan khối Đảng (Thành ủy Biên Hòa) và 05 đơn vị Đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Thành đoàn, UBMTTQ); tổng số đơn vị thực hiện khoán và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ là **18/18** đơn vị.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: ước thực hiện trong quý I/2024 là 41.798 triệu đồng/600.867 triệu đồng, đạt 07%.

(số liệu kèm theo Mẫu số 6)

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

2.6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị:

- 100% hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng và đường truyền Internet của thành phố sử dụng ổn định tại các đơn vị, địa phương phục vụ công tác tra cứu thông tin; gửi, nhận văn bản điện tử; tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử.

- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản – điều hành công việc (VNPT I-OFFICE) tại **48 đơn vị** (12 phòng chuyên môn, HĐND, UBND 30 phường/xã, 06 đơn vị sự nghiệp khác) với **1.670 tài khoản**. Triển khai ứng dụng chứng thư số, chữ ký số cho toàn thể CBCC lãnh đạo, văn thư xác thực văn bản điện tử. Kết quả đến nay, đã đăng ký và phát với tổng số **431 Token và SIM PKI (tổ chức 78, cá nhân 258, Sim PKI cá nhân 95)** do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp. Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử đạt tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ là **98,03%**.

- Triển khai hệ thống Hội nghị trực tuyến gồm **32 điểm**, phục vụ họp trực tuyến tại Văn phòng Thành ủy, UBND thành phố và 30 phường, xã thông qua hệ thống thiết bị được cung cấp trọn bộ gồm: bộ Polycom, Tivi 55-Inch Samsung, Camera EagleEye MSR 12x và đường truyền Megawan dùng riêng cho hệ thống trực tuyến.

- Chất lượng trang thông tin điện tử: đăng tải tin tức, bài viết, các văn chỉ đạo của tỉnh, thành phố về công tác CCHC, kiểm soát TTHC kịp thời, đầy đủ như: triển khai Kế hoạch CCHC, thông tin lịch làm việc, hướng dẫn sử dụng chức năng quét mã QR Code trên thẻ CCCD,...liên kết với Cổng Dịch vụ công tỉnh (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>) và Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>); cung cấp hồ sơ mẫu TTHC (dạng điện tử),...

- Triển khai Hệ thống quản lý chất lượng ISO, ISO điện tử trên cơ sở ứng dụng CNTT sử dụng các phần mềm hiện có kết hợp với các ưu điểm của Hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

2.6.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC

- Thủ tục dịch vụ công trực tuyến đã cập nhật trên Cổng dịch vụ công tỉnh Đồng Nai tính đến thời điểm báo cáo gồm:

+ Thành phố: 208/243 thủ tục (**41** thủ tục một phần và **167** thủ tục toàn trình)

+ Cấp xã: 89/112 thủ tục (**26** thủ tục một phần và **63** thủ tục toàn trình)

- Kết quả phát sinh hồ sơ dịch vụ công trực tuyến:

+ Thành phố: 4.618/8.269 hồ sơ, đạt 55,85%.

+ Cấp xã: 5.489/9.958 hồ sơ, đạt 55,12%.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ TTHC:

+ Thành phố: 4.655/11.800 hồ sơ, tương ứng 39,45%.

+ Cấp xã: 2.863/15.918 hồ sơ, tương ứng 17,99%.

- Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ TTHC:

+ Thành phố: 1.137/11.800 kết quả, tương ứng 9,64%.

+ Cấp xã: 6.148/15.918 kết quả, tương ứng 38,62%.

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC đạt 222/1.546 hồ sơ, tương ứng 14% (tại thành phố).

(thống kê kết quả theo phụ lục đính kèm)

(số liệu kèm theo Mẫu số 7)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong Quý I/2024, UBND thành phố Biên Hòa tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai các nhiệm vụ CCHC, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chỉ đạo, điều hành của thành phố và giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Tuy nhiên, mặc dù đã đạt kết quả trên một số lĩnh vực nhất định, tuy nhiên, công tác CCHC vẫn còn một số tồn tại, hạn chế:

3.1. Đối với thành phố:

- Kết quả triển khai công tác CCHC trên một số nhóm chỉ tiêu chưa cải thiện so với năm 2023 như tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại 02 cấp; hình thức thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công chưa thông dụng (chủ yếu là thanh toán không dùng tiền mặt); Vai trò của cơ quan tham mưu phụ trách lĩnh vực xây dựng chính quyền địa tử, chính quyền số chưa phát huy tối đa,....

- Công tác giải quyết TTHC, nhất là lĩnh vực đất đai, cấp phép xây dựng còn trễ hạn (tỷ lệ đúng hạn thấp hơn 97%); công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương còn bất cập; Chưa thực hiện nghiêm trách nhiệm xin lỗi người dân theo quy định.

- Công tác tạo lập hồ sơ công việc, lưu trữ điện tử chưa đáp ứng quy định hiện hành tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 04/3/2020 của Chính phủ.

3.2. Đối với cấp xã trực thuộc:

- Lãnh đạo một số địa phương chưa tập trung, thiếu quyết liệt chỉ đạo công tác CCHC; còn tình trạng buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo, thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ CCHC, chậm trễ phải có văn bản đôn đốc, nhắc nhở. Chậm khắc phục hạn chế, thiếu sót thông qua kết quả kiểm tra và chỉ số CCHC hàng năm.

- Tổ chức hoạt động tại Bộ phận Một cửa tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa đổi mới (bố trí, sắp xếp các khu vực chưa hợp lý, trang thiết bị máy móc đã cũ, chậm,...).

- Hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước và phục vụ người dân còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả mô hình chính quyền điện tử như: trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số chưa đảm bảo quy định theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ; sử dụng phần mềm quản lý văn bản để điều hành, xử lý công việc chưa đạt yêu cầu (một số địa phương chỉ dừng lại ở chức năng gửi – nhận thông thường, chưa tạo lập hồ sơ công việc điện tử). Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến tuy đã vượt chỉ tiêu đề ra nhưng chủ yếu vẫn do công chức hỗ trợ tạo lập hồ sơ thay cho người dân. Quá trình triển khai ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt (điều kiện bắt buộc đối với dịch vụ trực tuyến toàn trình) vẫn còn chậm.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính tại một số đơn vị, địa phương thực hiện chưa nghiêm túc, còn tình trạng yêu cầu người dân nộp thành phần hồ sơ không đúng quy định, chưa đảm bảo giờ giấc làm việc, thái độ phục vụ chưa tốt (thông qua kết quả kiểm tra của thành phố; phản ánh, kiến nghị của người dân trên Tổng đài 1022, Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ trọng tâm quý II theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 đảm bảo theo yêu cầu và lộ trình chung của UBND tỉnh năm 2024, Chương trình CCHC giai đoạn 2021-2030. Khắc phục các tồn tại, hạn chế theo kết luận giám sát của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023) và kết quả đánh giá chỉ số CCHC thành phố Biên Hòa năm 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính trên cơ sở chuẩn hóa, kiến nghị đơn giản hóa TTHC kết hợp triển khai hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tổ chức kiểm tra về công tác CCHC; kiểm tra công vụ hiệu quả, thực chất. Quán triệt chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, trách nhiệm thực thi công vụ, nhất là đội ngũ CBCCVN làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và phường, xã.

4. Triển khai quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy

các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW. Tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn đến năm 2025. Khẩn trương hoàn thiện đề án vị trí việc làm tại các đơn vị, địa phương làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách tiền lương và sử dụng, quản lý công chức, viên chức.

5. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đổi mới phương thức làm việc, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường triển khai các ứng dụng và dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức.

6. Triển khai công tác xác định, đánh giá chỉ số CCHC thành phố và cấp xã trực thuộc đảm bảo trung thực, khách quan, đúng quy định.

Trên đây là báo cáo của UBND thành phố Biên Hòa về kết quả thực hiện công tác CCHC trong Quý I/2024 và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. *gmu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành ủy Biên Hòa (báo cáo);
- CT, các PCT UBND thành phố (báo cáo);
- Văn phòng HĐND và UBND TP;
- Phòng chuyên môn TP;
- UBND 30 phường, xã;
- Lưu: VT, THNC.

CHỦ TỊCH *K*



Đỗ Khôi Nguyên



Biểu mẫu 1 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024

Lĩnh vực: Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

Đơn vị báo cáo: PHÒNG NỘI VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số đứng trong kỳ báo cáo)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	53	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	42	Trực tuyến
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	
4.	Truyền thông về CCHC			
4.1	Tin bài viết về CCHC, KSTTHC	Tin bài	41	
4.2	Chương trình truyền hình, phát thanh	Chương trình	1	
4.3	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	



Biểu mẫu 2 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024

Đơn vị báo cáo: PHÒNG TƯ PHÁP

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số đứng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do đơn vị tham mưu ban hành/ UBND cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

¹ Văn bản quy phạm pháp luật.



Biểu mẫu 3 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024

Lĩnh vực: Cải cách thủ tục hành chính

Đơn vị báo cáo: Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC (Các sở, ban ngành)			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,82%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	10.873	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	10.419	
3.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	97%	
3.2.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	138	
3.2.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	134	



Biểu mẫu 4 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024

Lĩnh vực: Cải cách tổ chức bộ máy

Đơn vị báo cáo: Phòng Nội vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Số đứng trong kỳ báo cáo)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Đã ban hành quy định về tổ chức bộ máy sau sắp xếp, kiện toàn	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	1	
1.2.	Đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.3.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	129	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	194	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	186	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	2	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2022	%		Dự kiến 0,5%
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	6.961	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6.855	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024



Lĩnh vực báo cáo: Cải cách chế độ công vụ

Đơn vị báo cáo: Phòng Nội vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Đơn vị, địa phương đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đã phê duyệt = 1 Chưa phê duyệt = 0	0	Đang thực hiện
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
3.1.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
3.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
4.	Thực hiện Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng			
4.1.	Số công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng các lớp cao cấp, trung cấp chính trị	Người	0	
4.2.	Số công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng các lớp nghiệp vụ, tập huấn từ 05 ngày trở lên	Người	64	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.	Số liệu về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý			
5.1.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.3.	Số lượng bổ nhiệm thông qua thi tuyển	Người	0	



Biểu mẫu 6 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024

Lĩnh vực: Cải cách tài chính công

Đơn vị báo cáo: Phòng Tài chính – Kế hoạch

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công (đối với UBND cấp huyện)	%	7%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	600.867	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	41.798	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập thuộc đơn vị, địa phương	Đơn vị	129	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	3	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	3	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	120	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		



Biểu mẫu 7 – UBND thành phố Biên Hòa quý 1/2024
Lĩnh vực: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số
Đơn vị báo cáo: Phòng Văn hóa – Thông tin

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Kết nối vận hành Hệ thống hợp trực tuyến với cấp tỉnh	Chưa có = 0 Đã kết nối = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia (nếu có)	%	100%	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của đơn vị, địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	98,03%	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến	%		
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	41	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	41	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	18/41	
4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%		
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	167	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	167	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	82/167	
4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	208	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	208	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến <i>(Chỉ thống kê đối với các TTHC có phát sinh hồ sơ)</i>	%		
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	8.269	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	4.618	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, Quý III, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	63	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	63	